

CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN NHƯ MỘT PHẠM TRÙ GIÁ TRỊ TRONG KHOA NGHIÊN CỨU VĂN HỌC Ở VIỆT NAM

Nguyễn Đăng Hai^{1*}

HUMANISM AS A VALUE CATEGORY IN VIETNAMESE LITERARY STUDIES

Nguyen Dang Hai^{1*}

Tóm tắt – Sử dụng lý thuyết đa hệ thống, bài viết khảo sát quan niệm của các nhà lí luận, phê bình văn học Việt Nam trong việc xác lập các tiêu chuẩn, tiêu chí chính yếu trong quá trình đánh giá văn học. Kết quả là, hai tiêu chuẩn cơ bản, phổ biến thường được các nhà lí luận – phê bình lựa chọn là tiêu chuẩn chính trị và tiêu chuẩn nhân văn. Trong đó, từ Đổi mới (1986) đến nay, tiêu chuẩn nhân văn đã được một số nhà nghiên cứu xem như một phạm trù giá trị trong khoa nghiên cứu văn học ở Việt Nam.

Từ khóa: chủ nghĩa nhân văn, giá trị của văn học, khoa nghiên cứu văn học ở Việt Nam.

Abstract – Using polysystem theory, the article examines the conceptions of literary researchers in Vietnam in establishing main standards in the process of literary evaluation. As a result, researchers often choose two basic and common standards: political and humanity. In particular, since the Renew (1986) until now, humanity standards have been considered by some researchers as a valuable category in the literary studies in Vietnam.

Keywords: humanism, the value of literature, Vietnamese literary studies.

I. MỞ ĐẦU

Tiêu chuẩn đánh giá văn học là một trong những vấn đề cơ bản của bộ môn lí luận, phê

bình văn học nói riêng, khoa nghiên cứu văn học nói chung. Tiêu chuẩn này thường được xây dựng dựa trên những quan niệm về thực tại và cái đẹp ở từng nền văn hóa, từng chế độ chính trị – xã hội, từng giai đoạn lịch sử khác nhau. Tiêu chuẩn đánh giá văn học phụ thuộc vào nhân sinh quan và thế giới quan của mỗi người nghệ sĩ, mỗi nhà nghiên cứu. Ở Việt Nam, quan niệm về giá trị, tiêu chuẩn đánh giá văn học được định hình và thể hiện trực tiếp và gián tiếp trong nhiều văn bản khác nhau. Tựu trung lại, các quan niệm này thường tập trung trong bốn nhóm văn bản chính: (1) các văn kiện của Đảng, Nhà nước về văn học – nghệ thuật; (2) các chuyên luận, tiểu luận, giáo trình về văn học – nghệ thuật; (3) các bài giới thiệu sách, các bài viết trên báo, tạp chí khoa học chuyên ngành về văn học – nghệ thuật và (4) các sáng tác của nhà văn, nhà thơ.

Vận dụng lý thuyết đa hệ thống của Itamar Even-Zohar, trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi bàn luận quan niệm về giá trị, tiêu chuẩn đánh giá văn học được thể hiện trong bộ phận thứ hai và thứ ba như đã nêu ở trên. Dựa trên việc tổng quan đặc điểm và thành tựu của nghiên cứu về vấn đề chủ nghĩa nhân văn trong khoa nghiên cứu văn học ở Việt Nam, phạm vi tư liệu được chúng tôi khảo sát chủ yếu tập trung vào các công trình lí luận, phê bình văn học ở Việt Nam từ 1950 đến nay, trong đó, chúng tôi đặt trọng tâm vào giai đoạn từ thời Đổi mới (1986) cho đến nay. Qua đó, bước đầu chúng tôi khái quát sự vận động của lí luận, phê bình văn học trong việc xác lập các tiêu chuẩn đánh giá văn học ở Việt Nam trong thời gian qua. Ở mỗi giai đoạn, tiêu chuẩn nào được xem là ‘trung tâm’, tiêu chuẩn nào được xem là ‘ngoại biên’. Nguyên nhân và tác động của những quan niệm này đối với hoạt

¹Trường Đại học Trà Vinh, Việt Nam

Ngày nhận bài: 4/10/2022; Ngày nhận bài chỉnh sửa: 06/12/2022; Ngày chấp nhận đăng: 12/12/2022

*Tác giả liên hệ: ndhai@tvu.edu.vn

¹Tra Vinh University, Vietnam

Received date: 4th October 2022; Revised date: 06th December 2022; Accepted date: 12th December 2022

*Corresponding author: ndhai@tvu.edu.vn

động nghiên cứu, sáng tác ở Việt Nam? Việc đánh giá thành tựu, hạn chế trong xây dựng tiêu chuẩn đánh giá văn học ở Việt Nam giúp chúng ta có những cơ sở khoa học cho việc lựa chọn, tiếp nhận và xây dựng các hệ giá trị, chuẩn mực phù hợp trong việc biên soạn các tài liệu về lí luận, phê bình văn học ở Việt Nam trong giai đoạn mới.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Lịch sử nghiên cứu vấn đề chủ nghĩa nhân văn trong khoa nghiên cứu văn học ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay luôn bám sát với bối cảnh lịch sử văn hóa – xã hội của dân tộc. Khảo sát các công trình nghiên cứu có đề cập đến vấn đề chủ nghĩa nhân văn trong nghiên cứu văn học ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay, chúng tôi chia thành hai thời kì. Thời kì đầu là giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến năm 1975 và thời kì thứ hai là giai đoạn từ năm 1976 đến nay. Ở mỗi thời kì, việc nghiên cứu chủ nghĩa nhân văn trong khoa nghiên cứu văn học ở Việt Nam thường nổi lên một số xu hướng, đặc điểm chủ đạo. Các xu hướng, đặc điểm này được hình thành dưới sự tác động của của nhiều nhân tố khác nhau như kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

Ở thời kì đầu, trong bài viết ‘Chủ nghĩa nhân văn trong khoa nghiên cứu văn học ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1975’ [1], chúng tôi đã thực hiện tổng thuật các nghiên cứu về chủ nghĩa nhân văn trong khoa nghiên cứu văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX – thời điểm chủ nghĩa nhân văn bắt đầu được giới thiệu ở Việt Nam, đến năm 1975 – thời điểm đất nước được thống nhất.

Trong giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến giữa năm 1954, vấn đề chủ nghĩa nhân văn trong văn học được đề cập trong các nghiên cứu của Đào Duy Anh [2], Đặng Thai Mai [3] và Hoài Thanh [4, 5]. Nếu Đào Duy Anh và Đặng Thai Mai giới thiệu về chủ nghĩa nhân văn ở phương Tây và những giá trị tư tưởng của chủ nghĩa nhân văn đem đến cho nhân loại thì Hoài Thanh giới thiệu khái quát về chủ nghĩa nhân văn Việt Nam và ứng dụng phân tích Truyện Kiều từ góc nhìn của chủ nghĩa nhân văn. Nếu Đào Duy Anh và Đặng Thai Mai khẳng định giá trị của chủ nghĩa nhân văn như tình yêu thương con người, tôn trọng và lấy con người làm trọng thì Hoài Thanh lại phê

phán tư tưởng của chủ nghĩa nhân văn, cái mà ông gọi là ‘nhân văn cũ’.

Bước sang giai đoạn từ cuối năm 1954 đến năm 1975, bối cảnh chính trị, văn hóa, xã hội tiếp tục có những chuyển biến sâu sắc. Do hai miền Nam – Bắc chịu ảnh hưởng bởi hai chế độ chính trị, xã hội khác nhau nên việc nghiên cứu chủ nghĩa nhân văn thời kì này cũng có sự khác biệt giữa hai chính thể. Nếu ở miền Bắc, các nhà nghiên cứu tiếp tục tiếp thu tư tưởng văn nghệ Marxist chính thống của các nước xã hội chủ nghĩa, chủ yếu là của Liên Xô và Trung Quốc thì ở miền Nam, các nhà nghiên cứu tiếp tục tiếp nhận các khuynh hướng tư tưởng văn nghệ Âu – Mĩ.

Giới nghiên cứu ở miền Bắc xuất hiện những quan điểm khác nhau trong việc tiếp cận các vấn đề của chủ nghĩa nhân văn. Các nhà nghiên cứu Hoàng Xuân Nhị [6], Hồng Chương [7], Tố Hữu [8], Vũ Đức Phúc [9], Hoàng Trinh [10] ủng hộ nguyên lí tính Đảng, tính giai cấp trong văn học nghệ thuật. Một số nhà nghiên cứu khác khẳng định những giá trị nhân bản trong triết học, văn học và nghệ thuật như Nguyễn Mạnh Tường [11], Trần Đức Thảo [12].

Ở miền Nam, các nhà nghiên cứu tiếp nhận đa dạng các tư tưởng nhân văn của Âu – Mĩ. Những tư tưởng triết mĩ phương Tây được giới thiệu, nghiên cứu khá phổ biến ở miền Nam. Nếu các nhà nghiên cứu ở miền Bắc chú trọng dịch thuật, giới thiệu các tác phẩm của Liên bang Xô viết thì các nhà nghiên cứu miền Nam lại chú trọng dịch thuật, giới thiệu các tác phẩm triết học nhân bản hiện đại phương Tây như phân tâm học, hiện tượng luận, chủ nghĩa nhân vị, chủ nghĩa hiện sinh, thuyết tiến hóa [1]. Tiêu biểu như các nghiên cứu của Kim Định [13], Nguyễn Văn Trung [14]; các bản dịch của Nguyễn Mạnh Tường [15], Nam Chi và Từ Huệ [16], Trần Xuân Kiêm [17].

Ở thời kì thứ hai, từ năm 1976 đến nay: Đây là thời kì đất nước được thống nhất, xã hội chuyển sang thời bình. Trong bối cảnh ấy, việc đổi mới văn học và nghiên cứu văn học trở nên cấp bách. Để thực hiện điều đó, những quan niệm về con người được đánh giá lại. Vì vậy, từ sau năm 1975, nhất là từ những năm 80 của thế kỉ XX, khoa nghiên cứu văn học ở Việt Nam xuất hiện một loạt bài viết đặt lại vấn đề đánh giá con người trong văn học. Nhiều bài viết của các nhà nghiên

cứu gạo cội như Lê Trí Viễn, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Văn Khỏa, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Lộc, Trần Đình Sử, Phùng Quý Nhâm, Lê Ngọc Trà, Lã Nguyễn, Nguyễn Văn Dân, Huỳnh Như Phương... đã trực tiếp hay gián tiếp bàn bạc về vấn đề chủ nghĩa nhân văn nói riêng, vấn đề con người nói chung trong văn học và nghiên cứu văn học Việt Nam.

Trong đó, giai đoạn từ năm 1986 đến nay, sự đổi thay trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội; bầu không khí đổi mới trong đời sống văn học, sự giao lưu văn hóa, văn học, việc tiếp xúc với các lí thuyết văn học hiện đại trên thế giới đã dẫn đến hiện tượng đổi mới quan niệm nghệ thuật về con người và nhu cầu cách tân lối viết của các nhà văn Việt Nam. Từ đây, con người trở thành đối tượng khám phá và là phương tiện kiến tạo tác phẩm một cách tự giác trong nhiều công trình nghiên cứu.

Qua đó, chúng tôi nhận thấy, các nhà nghiên cứu Việt Nam đã có nhiều công trình bàn về các vấn đề của khoa nghiên cứu văn học ở Việt Nam giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến năm 1975, đặc biệt là giai đoạn 1954 – 1975. Tuy nhiên, những công trình có ý nghĩa tổng kết hoạt động nghiên cứu chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam giai đoạn này vẫn còn rất hạn chế.

III. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

A. Lí thuyết đa hệ thống

Lí thuyết đa hệ thống (polysystem theory) do Itamar Even-Zohar đề xuất trong các nghiên cứu về văn chương và văn hóa từ thập niên 70 của thế kỉ XX. Lí thuyết đa hệ thống được hiểu là ‘một hệ các giả thuyết có thể xử lí sự hỗn mang và tính phức tạp mà không từ bỏ mục tiêu hình thành những giả thuyết mang tính lí giải trong khung khổ triết lí giản dị và kinh tế’ [18, tr.20]. Như chia sẻ của chính Itamar Even-Zohar, lí thuyết đa hệ thống là sự nối tiếp của thuyết chức năng động. Quan niệm về đa hệ thống sẽ góp phần hình thành tư duy mới về hệ thống, đó là một hệ thống mở, động, đa dạng, đa bội và nhiều tầng. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự khám phá của tư duy quan hệ.

Trong nghiên cứu văn học, việc chấp nhận giả thuyết về đa hệ thống sẽ bao hàm một sự chối bỏ những phán xét về giá trị với tư cách một

chuẩn mực đối với một tập hợp tiên nghiệm các đối tượng nghiên cứu. Theo Itamar Even-Zohar (2014), nếu người ta chấp nhận giả thuyết đa hệ thống thì cũng phải chấp nhận rằng nghiên cứu mang tính lịch sử về đa hệ thống. Văn học không thể tự giam mình trong những cái được gọi là ‘kiệt tác’ [18, tr.86]. Văn học không phải là những đơn thể biệt lập, phi tương tác. Ngược lại, văn học luôn có sự tương tác với chính các thành tố bên trong hệ thống và sự tương tác với các hệ thống khác của văn hóa. Chính những mối liên hệ này đã mở ra khả năng mới cho việc xem xét bản chất, giá trị của văn học. Việc định vị ‘trung tâm’ hay ‘ngoại biên’ các giá trị văn học chỉ là một thao tác mang tính tương đối. Nó tùy thuộc vào bối cảnh lịch sử và văn hóa ở mỗi quốc gia, dân tộc và thời đại. Do tính không đồng nhất và những lệ thuộc của văn học trong mỗi nền văn hóa nên khi xác định giá trị của văn học, chúng ta không thể không xem xét đến vai trò của những yếu tố tác động trong mỗi nền văn hóa, văn học. Chính sự tương tác giữa các thành tố bên trong hệ thống và sự tương tác giữa thành tố của hệ thống này với một hệ thống khác sẽ mở ra những khả năng mới cho việc nhìn nhận bản chất và giá trị của văn học. Việc coi văn học chính thống là thứ duy nhất có thể chấp nhận trong một xã hội có thể dẫn đến sự cưỡng bức văn học đại chúng, tạo nên những đối lập phân tầng hay sự chối bỏ một hệ thống hay trào lưu này để lấy một hệ thống hay trào lưu khác. Nếu một hạng mục được thừa nhận, thể hiện thành ‘văn hóa’ thì bất kì hạng mục bị từ chối nào sẽ bị quy thành ‘phi văn hóa’.

Với ý nghĩa đó, lí thuyết đa hệ thống đã được ứng dụng trong nghiên cứu văn học ở nhiều quốc gia như Pháp, Tây Ban Nha, Trung Quốc và một số quốc gia khác. Tuy nhiên, ở Việt Nam, lí thuyết đa hệ thống vẫn chưa được ứng dụng nhiều trong nghiên cứu văn học. Một số nhà nghiên cứu ở Việt Nam đã ứng dụng lí thuyết đa hệ thống của Itamar Even-Zohar để xem xét các vấn đề về vai trò của dịch thuật văn chương, vấn đề ‘trung tâm’ – ‘ngoại biên’ trong nghiên cứu văn học. Chúng tôi cho rằng lí thuyết đa hệ thống cần thiết cho sự suy tư, nhận thức về hệ thống các giá trị của văn học trong khoa nghiên cứu văn học ở Việt Nam.

B. Khái niệm chủ nghĩa nhân văn

Khái niệm humanismus (chủ nghĩa nhân văn) được học giả người Đức F.J. Niethammer sử dụng lần đầu vào năm 1808. Ban đầu, khái niệm humanismus trong tiếng Đức được sử dụng để nói về chương trình giáo dục Cổ điển mới (New Classical Curriculum – chương trình giáo dục nhân văn dựa trên các giá trị văn hóa, văn học nghệ thuật Latin hoặc Hi Lạp cổ đại) trong các nhà trường ở Đức. Năm 1856, nhà ngữ văn và lịch sử người Đức là Georg Voigt chuyển ngữ khái niệm humanismus trong tiếng Đức sang tiếng Anh là humanism. Khái niệm humanism được Georg Voigt sử dụng để nói về phong trào văn hóa mới xuất hiện trong thời kì Phục hưng (Renaissance) ở phương Tây thế kỉ XIV – XVI [19].

Hiện nay, khái niệm chủ nghĩa nhân văn (humanism) được hiểu theo nhiều ý nghĩa khác nhau. Trong phạm vi bài viết này, khái niệm chủ nghĩa nhân văn được chúng tôi sử dụng để ‘chỉ quan niệm về bản chất, giá trị phổ quát của con người và những tư tưởng giáo dục chung của các nhà nhân văn thời Phục hưng’ [20, tr.116]. Là trào lưu tư tưởng, văn hóa tiên bộ do các nhà tư tưởng, cá nhân ưu tú, giàu tinh thần cách mạng khởi xướng từ Italia, chủ nghĩa nhân văn đã nhanh chóng được các nhà triết học, nhà văn, nghệ sĩ tán thành và phát triển rộng khắp các lĩnh vực, thuộc nhiều khu vực khác nhau trên thế giới. Chủ nghĩa nhân văn trở thành trào lưu chủ đạo, xuyên suốt thời kì Phục hưng ở châu Âu. Nội dung tư tưởng cơ bản của nó là đặt con người vào vị trí trung tâm để đấu tranh chống lại Cơ đốc giáo xem thần là trung tâm. Do đó, tinh thần của chủ nghĩa nhân văn thể hiện sự phản ứng mạnh mẽ chống lại thần quyền và tôn giáo; đòi quyền sống tự do, quyền bình đẳng và quyền hưởng thụ tự nhiên của con người; khẳng định những vẻ đẹp trần thế với những khả năng vô tận của con người. Từ đó, những khát vọng muôn thuở của con người như tình yêu, hạnh phúc, cái đẹp, tự do, khoái lạc được khẳng định và đề cao. Chính những tư tưởng mới này đã làm xuất hiện những lí tưởng mới về công bằng xã hội, hình thành quan điểm mới về đạo đức; đồng thời, các giá trị phổ quát của con người như tự do, công lí, phẩm giá, hạnh phúc, quyền con người được nhấn mạnh và đề

cao. Chính những tư tưởng tiên bộ này, tinh thần nhân văn trở thành nguồn cảm hứng mãnh liệt cho người nghệ sĩ. Bản tính của con người được xem là bản thân sự sống, là thần thiêng của sáng tác [21].

C. Từ tiêu chuẩn chính trị đến tiêu chuẩn nhân văn

Các công trình lí luận, phê bình văn học ở Việt Nam từ những năm 1950 đến trước Đổi mới (1986) tồn tại một nghịch lí là tuy đều thừa nhận ‘văn học là nhân học’ nhưng lại chưa thật sự xem con người là tiêu chuẩn cao nhất trong việc đánh giá văn học. Con người chưa được xem là mục đích, mục tiêu cao nhất cần hướng tới của văn học. Do đó, trong việc đánh giá văn học, các nhà nghiên cứu văn học công khai nêu rõ: ‘tiêu chuẩn chính trị được đặt ở hàng đầu’ [22, tr.26]. Tức là tác phẩm đó ‘được viết trên lập trường, quan điểm nào, phục vụ cho đối tượng nào và có lợi cho ai?’ [22, tr.44]. Điều đó cho thấy, trong việc đánh giá văn học, kể cả sáng tác lẫn nghiên cứu, phê bình, xu hướng coi tư tưởng chính trị là tiêu chuẩn trung tâm trong hệ thống các giá trị văn học. Tư tưởng chính trị trở thành giá trị cốt lõi của văn học. Vì vậy, tinh thần nhân văn trong văn học Việt Nam vẫn còn “nằm ngoài đường biên” của văn học. Việc tuyệt đối hóa tư tưởng chính trị dẫn đến việc xem nhẹ các giá trị khác của văn học như giá trị nhân văn, giá trị thẩm mỹ của tác phẩm văn học. Và khi những giá trị chưa được thừa nhận thì nó sẽ bị đẩy ra ngoại biên và bị xem là “phi văn hóa” như chính Itamar Even-Zohar đã khẳng định [8]. Cái hay, cái đẹp của văn học thường bị đồng nhất với cái có ích, với lí tưởng cách mạng, với đấu tranh giai cấp: ‘một tác phẩm nghệ thuật chỉ có giá trị khi nó đem lại cho người thưởng thức những tình cảm cách mạng lớn (...) khái niệm đẹp gắn liền với cách mạng’ [23, tr.134]. Tương tự, các tác giả thuộc Tổ Bộ môn Lí luận Văn học các Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Vinh và Đại học Tổng hợp (1978) viết: ‘Nếu nghệ thuật không phản ánh được cái đẹp của tâm hồn con người, cái đẹp của lao động sản xuất và đấu tranh giai cấp, cái đẹp của những lí tưởng xã hội, thì nghệ thuật ấy cũng không thể làm rung động được cảm xúc thẩm mỹ của chúng ta’ [22, tr.29]. Trước thách thức của

sự nghiệp giữ nước, nhu cầu giải phóng dân tộc, bảo vệ sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, cha ông ta đã phải ưu tiên cho lập công, lập đức hơn lập ngôn. Đúng như Trần Thanh Đạm nhận định: ‘Giang sơn, dân tộc có tồn tại thì văn chương, văn hóa mới tồn tại. Rút cục nhờ đó mà ngày nay, thế hệ chúng ta mới còn được cả gốc lẫn ngọn, mà không mất cả chì lẫn chài’ [24, tr.19]. Chúng ta không thể phủ nhận vai trò của những quan niệm này đối với dân tộc. Nhờ những ưu tiên cho sự nghiệp bảo vệ tổ quốc, chúng ta đã có những thắng lợi to lớn trên mặt trận chính trị, trên chiến trường; đất nước được thống nhất. Nhưng cũng chính điều này khiến ở một số thời điểm chúng ta bỏ quên một phần của văn học nghệ thuật; bỏ qua một phần tâm hồn con người dân tộc. Đó có thể là những giá trị tiên bộ trong các sáng tác của một số nhà văn, nhà thơ thuộc Thơ mới, Tự Lực văn đoàn; các tác phẩm tiên bộ của nhân loại thuộc các nền văn học Âu – Mĩ, thậm chí cả những giá trị nhân văn tiên bộ của các nhà tư tưởng thời kì Phục hưng, Khai sáng ở phương Tây. Các hiện tượng này đã bị đẩy ra ‘ngoại biên’, tức ngoại-hệ thống giá trị của văn học và do đó bị xem là ‘phi văn hóa’.

Đây là những biểu hiện của sự thiếu tinh thần nhân văn trong nghiên cứu văn học như nhà nghiên cứu Trần Đình Sử đã chỉ ra [25]. Trong truyền thống nhân văn của người Việt Nam, từ thời Trung đại, Nguyễn Du đã đề cập đến một vấn đề rất mới, nhưng cũng rất quan trọng của chủ nghĩa nhân văn trong văn học: xã hội cần phải trân trọng những giá trị tinh thần, do đó cần phải trân trọng chủ thể sáng tạo ra những giá trị tinh thần đó. Khi dân tộc đã được độc lập, hơn bao giờ hết, văn học cũng phải trở về với cuộc sống đời thường, trở về với chính nó, với chính con người. Con người – với tất cả những gì vốn có của nó – cần phải trở thành mối quan tâm, chuẩn mực cao nhất trong mọi suy nghĩ và hành động của mỗi người nghệ sĩ, mỗi người nghiên cứu.

Vấn đề cơ bản của chủ nghĩa nhân văn chính là vấn đề về quan niệm và thái độ đối với con người. Chủ nghĩa nhân văn được xem là tiền đề cho sự phát triển của con người: ‘không có chủ nghĩa nhân văn hiện thực thì không có sự phát triển chân chính cho con người, cho sự tiến bộ nghệ

thuật’ [26, tr.14]. Maxim Gorky cũng đã từng nói văn học là nhân học. Vì vậy, không phải đợi đến hôm nay, vấn đề con người trong văn học mới được đặt ra. Thực tế, vấn đề con người đã được các nhà nghiên cứu đề cập từ lâu. Tuy nhiên, do sự chi phối bởi hoàn cảnh xã hội, lịch sử, nên vấn đề con người trong văn học mỗi quốc gia, mỗi thời đại có một vị trí khác nhau. Việc dịch chuyển của vấn đề nhân văn trong hệ thống các giá trị của khoa nghiên cứu văn học Việt Nam diễn ra trong một thời gian dài, trải qua những bước chuyển và bị chi phối bởi nhiều nhân tố khác nhau. Trong đó, công cuộc cải tổ sâu sắc và toàn diện trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã làm cho các mối quan tâm của con người, các giá trị nhân văn trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Đầu tiên, ở Liên bang Xô viết, việc xác định lại vấn đề tính người trong tư tưởng triết học của Karl Marx được nhiều nhà nghiên cứu thực hiện, trong đó tiêu biểu như các ý kiến của Nelly Motroshilova, L.T. Prorov [27]. Một mặt, họ kịch liệt phê phán thái độ kiêu căng trong việc nghiên cứu khái niệm bản tính con người; mặt khác, họ cũng ra sức khẳng định tính người trong các văn bản của Karl Marx. Theo Nelly Motroshilova [27], trong quan niệm của Karl Marx, bên cạnh tính giai cấp, con người còn có tính người; đồng thời, tính người có tính lịch sử. Trong Luận cương VI về Feuerbach, Karl Marx cũng viết: ‘Bản chất con người không phải là cái trừu tượng vốn có của một cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa của tất cả những quan hệ xã hội’ [28, tr.147-148].

Tiếp đến, ở Trung Quốc, cuộc tranh luận về tính người cũng được đặt ra từ thập niên 50 của thế kỉ XX nhằm chống lại quan điểm tính giai cấp cực đoan trong nghiên cứu văn học và mỹ học. Tuy nhiên, chỉ từ năm 1979, ở Trung Quốc, trào lưu bác bỏ tính giai cấp, khẳng định tính người trong văn học mới diễn ra một cách mạnh mẽ với một loạt bài viết của Chu Quang Tiềm, Nhữ Tín, Lưu Mẫn Trung, Đinh Học Lương, Khúc Nhược Mỹ, Mẫn Trạch, Nghệ Bản... Theo Trần Đình Sử (2012), nhiều nhà nghiên cứu Trung Quốc khẳng định tính người có trước tính giai cấp. Tính người vẫn tồn tại khi xã hội không còn giai cấp, bởi nhu cầu con người làm nên bản tính con người như

một chủng loại. Vì vậy, việc phân tích giai cấp không thể loại bỏ được tính người của con người [29, tr.83]. Đồng thời, các nhà nghiên cứu Trung Quốc cũng chỉ ra các biểu hiện của tính người mà giai cấp nào cũng có. Đó là những phẩm chất tích cực của con người như lương tâm, trách nhiệm, tình yêu; hay là những tính chất tiêu cực của con người như đố kỵ, tham lam, ích kỉ, thích quyền lực. Nghiên cứu tư tưởng mã học của Chu dịch, Lưu Cương Kỷ và Phạm Minh Hoa (2002) chỉ ra rằng ‘con người vừa có lí tính và đạo đức, đồng thời cũng là cơ thể bằng xương bằng thịt, có các dục vọng sinh lí tự nhiên phải được thỏa mãn một cách hợp lí’ [30, tr.32]. Tuy nhiên, trong xã hội có giai cấp, con người trước hết là con người giai cấp. Vì vậy, trong nghiên cứu văn học, việc khẳng định tính giai cấp là hoàn toàn đúng đắn và căn bản. Nhưng nhiều nhà nghiên cứu văn học tuyệt đối hóa quan điểm giai cấp, dẫn đến việc lựa chọn, đánh giá nhiều hiện tượng văn học của dân tộc và nhân loại chưa đầy đủ, toàn diện.

Ở Việt Nam, từ sau năm 1975, nền văn học dân tộc từng bước chuyển sang thời kì mới, với những đặc điểm và quy luật khác trước. Đặc biệt, tinh thần đổi mới của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986), tiếp đó là cuộc tiếp xúc của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh với văn nghệ sĩ (10/1987) đã tác động sâu sắc đến đời sống văn nghệ dân tộc. Đảng ta đã xác định: ‘chính sách xã hội nhằm phát huy mọi khả năng của con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất’ (Nghị quyết Đại hội VI của Đảng) [31]. Có thể nói, Đại hội VI thật sự đã mang lại bầu không khí dân chủ, tinh thần ‘nhìn thẳng sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật’. Vì vậy, nhà văn Nguyễn Minh Châu đã mạnh dạn kêu gọi “Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa” [32]. Những yếu tố xã hội và tư tưởng trên đã giúp các văn nghệ sĩ, các nhà nghiên cứu mạnh dạn đổi mới một cách sôi nổi, mạnh mẽ; thực sự ‘cởi trói’ cho người cầm bút, mang lại một sinh khí mới cho nền văn nghệ. Trong sáng tác, các nhà văn không chỉ có sự thay đổi cách nhìn về hiện thực, về đối tượng phản ánh mà còn thay đổi quan niệm nghệ thuật về con người. Trên cơ sở đó, cách nhìn nhận, thẩm định các giá trị văn học nặng về ý thức hệ dần được điều chỉnh bằng cái nhìn toàn diện và sâu sắc từ trong bản chất

của nghệ thuật. Những ràng buộc khắt khe của tính tư tưởng có phần thô sơ, máy móc đối với tác phẩm được gạt bỏ. Cách cư xử, can thiệp thô bạo làm ảnh hưởng tới số phận nhà văn và tác phẩm vì không am hiểu hoặc do cực đoan, bất công... dần dần được khắc phục. Với sự thay đổi đó, chủ trương đổi mới của Đảng và Nhà nước được thể hiện qua Đại hội VI thực sự là một thắng lợi lớn.

Cùng với sự chuyển biến trong hoạt động sáng tác, lí luận, phê bình cũng có những bước dịch chuyển quan trọng. Trong thưởng thức và đánh giá văn học, các nhà nghiên cứu từng bước chuyển sang tiêu chuẩn nhân văn, xem đây như là một tiêu chuẩn về giá trị phổ quát trong văn học. Trong bài viết trên *Tạp chí Văn học* năm 1987, Nguyễn Văn Hạnh đặc biệt lưu ý: ‘sự phát triển của nguyên tắc nhân đạo chủ nghĩa, như chúng tôi tin chắc, phải là tiêu chuẩn cao nhất trong tổng hợp những chỉ tiêu của tiến bộ nghệ thuật’ [33, tr.72]. Biểu hiện của sự thừa nhận tiêu chuẩn nhân văn trong nghiên cứu văn học ở Việt Nam thể hiện trước hết ở việc các nhà nghiên cứu công khai phê phán tính giai cấp, thừa nhận và khẳng định tính người của con người. Được xem là giáo trình lí luận văn học của thời kì Đổi mới, bộ giáo trình Lí luận văn học do Phương Lưu chủ biên [34] lần đầu tiên trực tiếp thể hiện và khẳng định tính người. Tính người đã được các tác giả gọi bằng một khái niệm khác là tính nhân loại. Tính nhân loại đã được thể hiện và khẳng định trong chương IV, tập 1 (phần Nguyên lí tổng quát) của giáo trình – ‘Tính dân tộc và tính quốc tế của văn nghệ’ do Trần Đình Sử viết. Khác với các giáo trình ở giai đoạn trước, lần đầu tiên, một bộ giáo trình được Hội đồng Thẩm định sách của Bộ Giáo dục giới thiệu làm sách dùng chung cho các trường đại học sư phạm trong cả nước chính thức khẳng định tính người của con người, xem đó là thuộc tính bản chất của xã hội loài người. Tiếp đến, năm 1988, Trần Đình Sử tiếp tục bàn luận sâu hơn về mối quan hệ giữa tính người và văn học qua bài viết “Tính nhân loại và văn học” [35] và gần đây là “Tính giai cấp, tính người và sự xác lập quan niệm văn học là nhân học” trong sách Một nền lí luận văn học hiện đại (nhìn qua thực tiễn Trung Quốc) [29].

Mặc dù còn sơ lược nhưng đây là những nhận thức đúng đắn; là sự khai phá bước đầu, có giá trị cho sự thay đổi quan niệm về bản chất nhân học của văn học trong các công trình lí luận, phê bình văn học ở Việt Nam. Đồng thời, những nhận thức này cũng phù hợp với quan niệm có tính chất triết học về bản chất con người, kể cả các nhà kinh điển Marxist cũng như các nhà triết học Tây phương.

Nhờ vậy, quan niệm về con người trong lí luận, phê bình văn học ở Việt Nam ngày càng toàn diện và đầy đủ hơn: con người không chỉ có ý thức mà còn có cả vô thức; không chỉ có những thuộc tính xã hội mà còn có cả những thuộc tính tự nhiên lẫn văn hóa; không chỉ có con người cộng đồng, con người công dân mà còn có cả con người cá thể, cá nhân; con người được soi xét từ nhiều góc cạnh khác nhau: triết học, sinh học, đạo đức, văn hóa, tâm linh; dân tộc và nhân loại. Đặc biệt, những nét riêng, không lặp lại, tính tích cực sáng tạo và tính độc lập của mỗi cá nhân đã được ghi nhận. Như vậy, con người trong văn học được các nhà nghiên cứu quan niệm và xem xét từ nhiều phía, nhiều chiều kích hơn, không chỉ là con người giai cấp, con người cộng đồng mà còn là những con người cá nhân, cá thể có đời sống tự nhiên, xã hội và văn hóa phong phú, phức tạp. Sự phát triển của chủ nghĩa nhân văn đã và sẽ không ngừng dẫn tới sự công nhận nhân tố con người. Đây là những tiền đề quan trọng cho sự thừa nhận và khẳng định tiêu chuẩn nhân văn trong nghiên cứu văn học ở Việt Nam.

Biểu hiện thứ hai là sự thay đổi quan niệm, thái độ của một số nhà nghiên cứu đối với chủ nghĩa nhân văn. Tuy xuất phát từ một thuật ngữ trong Anh ngữ là humanism nhưng ở Việt Nam nó được dịch và sử dụng theo nhiều cách với ý nghĩa và sắc thái khác nhau. Trước Đổi mới (1986), vì sự chi phối mạnh bởi ý thức về giai cấp, lập trường chính trị nên hai khái niệm chủ nghĩa nhân văn và chủ nghĩa nhân đạo được các nhà nghiên cứu sử dụng như là sự đối kháng về mặt giai cấp, về mặt chính trị. Khái niệm chủ nghĩa nhân văn thường được dùng để chỉ những tư tưởng của giai cấp tư sản, gắn liền với ý thức hệ tư sản. Ngược lại, khái niệm chủ nghĩa nhân đạo thường được dùng như là sự ưu việt của những tư tưởng cách mạng của giai cấp vô sản với các thuộc tính như

‘nhân đạo’, ‘tiến bộ’... Dưới ánh sáng của Đại hội VI, khuynh hướng đối lập giữa hai khái niệm dần được chuyển dịch sang khuynh hướng đồng nhất (xem như hai khái niệm đồng nghĩa) hoặc khuynh hướng phân biệt hai khái niệm dựa trên phương diện triết học (chủ nghĩa nhân văn) và đạo đức (chủ nghĩa nhân đạo) [36]. Trong đó, chủ nghĩa nhân văn là khái niệm ngày càng được ưu tiên sử dụng. Nội hàm và ngoại diên của khái niệm chủ nghĩa nhân văn trong văn học ít nhiều cũng đã được điều chỉnh. Khái niệm chủ nghĩa nhân văn đã từng bước được thay đổi, bổ sung và hoàn thiện dựa trên các giá trị của dân tộc và sự tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, đặc biệt là sự bổ sung các giá trị tiến bộ từ nền văn hóa phương Tây. Do đó, nội hàm của khái niệm cũng đã được điều chỉnh trên nhiều bình diện khác nhau của văn học, từ việc lựa chọn đối tượng đến cách thức biểu hiện nội dung, tư tưởng và chức năng của văn học. Con người với tư cách là đối tượng của văn học ở thời kỳ này đã có sự mở rộng. Đó là những con người thuộc nhiều tầng lớp, giai cấp, dân tộc ở các thời đại khác nhau. Đúng như Huỳnh Như Phương đã viết: ‘Một tác phẩm văn học viết về cuộc sống và con người của dân tộc này có thể làm xúc động công chúng của nhiều dân tộc khác. Một tác phẩm tái hiện thời đại đã xa vẫn có thể lay động tâm tư của con người những thời đại mới. Một tác phẩm thể hiện số phận bi kịch của nhân vật thuộc một tầng lớp cao sang vẫn làm chảy nước mắt những người đọc bình dân...’ [37, tr.35].

Có một thời, các nhà nghiên cứu có xu hướng đề cao giá trị hiện thực của văn học, xem nhẹ tinh thần nhân văn trong văn học thì nay chủ nghĩa nhân văn được xem là nguồn cảm hứng của chủ nghĩa hiện thực [38], là nền tảng và là cơ sở thẩm mĩ của chủ nghĩa hiện thực [39]. Trước Đổi mới (1986), chúng ta thường có biểu hiện đề cao quá mức chủ nghĩa hiện thực, xem tính hiện thực là tiêu chuẩn hàng đầu, trung tâm trong sáng tạo, thưởng thức và đánh giá văn học. Do đó, chủ nghĩa nhân văn thường bị xem nhẹ hoặc bỏ qua. Bước sang giữa thập niên 80 của thế kỉ XX, nhiều nhà nghiên cứu đã nhận thấy những hạn chế trên và đề nghị xem xét lại vị trí, vai trò của chủ nghĩa nhân văn, mối quan hệ giữa chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa nhân văn, giữa chủ

nghĩa nhân văn và chủ nghĩa lãng mạn trong văn học. Những thay đổi trên thể hiện sự thừa nhận chủ nghĩa nhân văn và các giá trị phổ quát của nó đối với con người nói chung, văn học nói riêng.

Trong văn học, chủ nghĩa nhân văn không chỉ là cơ sở thẩm mỹ, nguồn cảm hứng, giá trị phổ quát của văn học mà nó còn cần phải được xem như là ‘cương lĩnh’, ‘ngọn đuốc’ dẫn đường và thúc đẩy sự phát triển, sự tiến bộ của văn học. Trong công trình viết bằng tiếng Việt in ở Moskva - *Nhà văn và thời đại*, nhà báo Ninel Xtreltxôva đã ghi lại những nhận định, những lời kêu gọi thống thiết của các nhà văn đương thời ở Liên bang Xô viết thập niên 80 của thế kỷ XX rằng loài người phải giữ gìn nguyên tắc nhân văn, bởi chính chủ nghĩa nhân văn ‘sẽ trở thành cơ sở và cương lĩnh của phát triển con người lên bậc mới của nền văn minh mà chúng ta sẽ phải đạt tới’ [40, tr.17]. Tương tự, Nguyễn Thị Khánh trong bài viết ‘Tư tưởng nhân văn trong văn học Mĩ Latin’ cũng cho rằng chủ nghĩa nhân văn luôn luôn được coi là một điểm chuẩn, một dấu hiệu chỉ đường và thậm chí còn là dấu hiệu của tiềm năng sáng tạo. Nó là một tiêu chuẩn định hướng, làm cho con người hòa hợp với chính mình, với sản phẩm, tư tưởng và hành động của nó [41]. Do đó, giá trị nhân văn phải được xem là tiêu chí quan trọng nhất trong các tiêu chí xác định giá trị và sự tiến bộ của văn học. N.I.Konrad đã viết: ‘Một trong những tư tưởng tạo nên bản chất nội dung và đối tượng diễn tả nghệ thuật của nó, ấy là tư tưởng nhân đạo’ [42, tr.45]. Từ đó, chúng tôi cho rằng, tiêu chuẩn nhân văn phải là tiêu chuẩn cao nhất trong những tiêu chí của tiến bộ nghệ thuật.

Trên tinh thần đó, các bộ lịch sử văn học Việt Nam từ thời Đổi mới (1986), sách giáo khoa Ngữ văn bậc Trung học Phổ thông (2008) của Việt Nam đều thừa nhận và khẳng định chủ nghĩa nhân văn là một trong ba truyền thống, ba ‘chủ nghĩa’ tốt đẹp của dân tộc (chủ nghĩa nhân văn, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng). Chính sự thừa nhận chủ nghĩa nhân văn là hằng tính của văn học, là truyền thống tốt đẹp của văn học dân tộc đã mở đường cho nhiều nhà nghiên cứu, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên mạnh dạn lựa chọn và ứng dụng chủ nghĩa nhân văn, xem đây như là một khái niệm, một phạm

trù công cụ trong việc tìm hiểu, khám phá các hiểu tượng văn học. Vì vậy, từ cuối thập niên 80 của thế kỷ XX, đặc biệt là từ năm 2000 đến nay đã có nhiều luận án, luận văn, bài viết đề cập đến các vấn đề của chủ nghĩa nhân văn trong văn học. Trong đó, các luận án, luận văn đã hướng đến các vấn đề như chủ nghĩa nhân văn trong sáng tác và nghiên cứu văn học, mối liên hệ giữa chủ nghĩa nhân văn và các trào lưu tư tưởng khác thông qua các sáng tác văn học; tư tưởng nhân văn, giá trị nhân văn và cảm hứng nhân văn trong sáng tác văn học. Có thể nói, đây là một bước tiến mới trong nhận thức về chủ nghĩa nhân văn trong nghiên cứu văn học ở Việt Nam. Bởi, trước Đổi mới, đây gần như hoàn toàn vẫn là vùng ‘ngoại biên’ trong nghiên cứu văn học ở Việt Nam. Nay, tinh thần nhân văn từng bước được chấp nhận. Đồng thời, soi chiếu văn học dưới ánh sáng của tiêu chuẩn nhân văn giúp chúng ta nhìn nhận một cách công bằng, khách quan, chân thực và có cơ sở vững chắc hơn đối với nhiều hiện tượng văn học dân tộc và nhân loại.

Nhưng vấn đề đặt ra, thế nào là một hiện tượng văn học có giá trị nhân văn? Tức, các tiêu chí xác định tính nhân văn của văn học là gì? Đây là câu hỏi cũng đã được một số nhà lí luận, phê bình quan tâm, trả lời. Tuy nhiên, chúng ta vẫn chưa có những công trình riêng bàn luận về các tiêu chí nhân văn trong nghiên cứu văn học. Có thể nói, đây vẫn còn là một khoảng trống lớn trong lí luận, phê bình văn học ở Việt Nam. Trong lí luận, phê bình văn học Việt Nam, những tiêu chí này thường chỉ được nêu lên hay đề cập đến một cách sơ lược trong các bài viết, các giáo trình, tiểu luận. Trong bài viết ‘Chủ nghĩa nhân đạo trong văn học Rumani hiện đại’, Nguyễn Văn Dân cho rằng một nền văn học được xem là nhân văn nghĩa là nó quan tâm tới đa đến con người, đến những giá trị căn bản của con người [41, tr.52]. Theo Huỳnh Như Phương, giá trị nhân văn trong văn học được thể hiện ở chỗ: ‘con người được nhìn nhận không chỉ như là đối tượng trung tâm, đối tượng ở bình diện thứ nhất của nghệ thuật, mà còn như một cá thể tự do, độc đáo, không lặp lại với tất cả sự đa dạng về phẩm chất, tính cách và khát vọng’. [37, tr.38]. Gần đây, Phùng Quý Nhâm đã có bài viết riêng về chủ nghĩa nhân văn trong văn học. Trong đó, ông có đề

cập đến các tiêu chí cụ thể của chủ nghĩa nhân văn. Theo ông, chủ nghĩa nhân văn trong văn học được biểu hiện ở ba phương diện cơ bản là: (1) tình yêu thương con người; (2) sự phân đôi trong thái độ của người nghệ sĩ đối với con người và cuộc sống (vừa nguyên rửa, lên án, phê phán, phủ định những cái phi nhân tính, cái xấu cái ác vừa cảm thông, đồng cảm, chia sẻ và bên hực những thân phận nhỏ bé, những cảnh đời và số phận đau khổ) và (3) nghệ sĩ biết khơi dậy những khát vọng của con người [26, tr.13-17]. Không chỉ dừng lại ở tiêu chí nhân văn đối với các tác phẩm văn học, Trần Đình Sử còn hướng đến chủ thể sáng tạo – nhà văn, người đọc, nhà lí luận – phê bình, nhà quản lí với ba giá trị cơ bản là tôn trọng quyền con người, ý thức về tính chủ thể của con người và tinh thần đối thoại [25].

Giá trị nhân văn vừa là một phạm trù lí luận vừa là một phạm trù lịch sử. Do đó, nó phụ thuộc vào các thời đại, các nền văn hóa, các dân tộc khác nhau. Nhưng dù ở bất cứ đâu, với bất kì hiện tượng văn học hay thời đại nào, giá trị nhân văn luôn được xem như là cái đẹp - hơn nữa đó phải là những cái đẹp vượt trội. Nó được kết tinh từ những quan niệm, thái độ, tư tưởng có tính chất triết học, đạo đức và văn hóa của con người đối với con người. Trong mỗi quan hệ với tha nhân, giá trị nhân văn được thể hiện ở lòng yêu thương, sự mẫn cảm trước những khổ đau và bất hạnh, những niềm vui sướng và sự hạnh phúc của con người; sự tin tưởng và bảo vệ con người; sự tôn trọng và đề cao các giá trị, phẩm giá của con người, các quyền cơ bản và vĩnh cửu của con người như quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc; sự đấu tranh chống lại mọi ách áp bức bóc lột, những cái phi nhân trong xã hội. Trong mỗi quan hệ với chính mình, mỗi cá nhân phải tự ý thức sâu sắc về tính chủ thể của bản thân với những phẩm chất cơ bản như trí tuệ, sự hiểu biết, tình yêu danh dự, sự dũng cảm, sự khôn ngoan, năng lực phán đoán. Tất cả những tư tưởng này đã trở thành những giá trị phổ quát của nhân loại nói chung và văn học nói riêng. Vì vậy, trong sáng tác, tinh thần nhân văn đã trở thành nguồn cảm hứng, khát vọng mãnh liệt của người nghệ sĩ trước những vấn đề phổ quát của con người và đời sống xã hội. Trong mỗi tác phẩm, tinh thần nhân văn là cái làm nên

chiều sâu bản chất nội dung tư tưởng và đối tượng diễn tả nghệ thuật của văn học. Trong nghiên cứu và tiếp nhận, tinh thần nhân văn lay động lòng người, khơi dậy ở mỗi con người, ở mỗi cộng đồng người sự tự ý thức sâu sắc về đạo đức, phẩm cách, hạnh phúc và khổ đau, về trạng thái nhân sinh, về mâu thuẫn nội tại hoặc về nguyên nhân sâu xa của hạnh phúc và khổ đau đó; về cái đẹp và cái xấu, về điều thiện và điều ác của con người trong đời sống xã hội. Chính vì vậy, tinh thần nhân văn luôn được các nhà nghiên cứu văn học trong và ngoài nước xem như là một hệ giá trị, một phẩm chất hàng đầu của văn học.

IV. KẾT LUẬN

Văn học là đa giá trị. Quan niệm về giá trị của văn học trong khoa nghiên cứu văn học ở Việt Nam cũng luôn mang tính mở, động và đa dạng. Trong đó, thực tiễn khoa nghiên cứu văn học ở Việt Nam từ 1950 đến nay cho thấy, hai giá trị cơ bản được nhiều nhà nghiên cứu đề cập là ‘chính trị’ và ‘nhân văn’. Hai tiêu chuẩn này luôn có sự dịch chuyển vai trò trong nghiên cứu văn học. Trong đó, việc dịch chuyển từ tiêu chuẩn chính trị (là trung tâm) sang tiêu chuẩn nhân văn (là trung tâm) là một bước ngoặt, một thành tựu quan trọng trong nghiên cứu văn học ở Việt Nam. Tuy tiêu chuẩn nhân văn vẫn luôn bị đe dọa bởi lòng tham, chiến tranh, bạo lực cũng như sự hèn hạ của con người, nhưng chúng tôi tin rằng nó vẫn và sẽ là tiêu chuẩn trung tâm, hàng đầu trong việc xác định giá trị, sự tiến bộ của văn học nghệ thuật. Văn học nói chung, khoa nghiên cứu văn học nói riêng đã phải nhiều lần ngoảnh lại quá khứ, sàng lọc những sự việc, hiện tượng trong quá khứ của dân tộc và nhân loại, đặt chúng trên bàn cân của chủ nghĩa nhân văn hoặc tinh thần nhân văn để tìm ra những hạt giống sai lầm và lệch lạc, chỉ ra những nguyên tắc thẩm mỹ, đạo đức, văn hóa cao đẹp của con người và đời sống xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đăng Hai. Chủ nghĩa nhân văn trong khoa nghiên cứu văn học ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1975. *Tạp chí khoa học – Khoa học xã hội và nhân văn, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*. 2018;11(15):61–74.
- [2] Đào Duy Anh. *Giản yếu Hán Việt từ điển*, quyển hạ. Hà Nội: Nhà in Lê Văn Tân. 1932.
- [3] Đặng Thai Mai. *Chủ nghĩa nhân văn dưới thời văn hóa Phục hưng*, Tập Thi luận và tài liệu số 2. Thanh Hóa: Nhà in Tư tưởng. 1949.
- [4] Hoài Thanh. *Nhân văn Việt Nam*. Thanh Hóa: Hội Văn hóa Việt Nam. 1949.
- [5] Hoài Thanh. *Quyền sống của con người trong Truyện Kiều của Nguyễn Du*. Thanh Hóa: Hội Văn hóa Việt Nam. 1949.
- [6] Hoàng Xuân Nhị. Chủ nghĩa nhân văn của chúng ta. *Báo Nhân dân*. 1956; 955+956.
- [7] Hồng Chương. Hai quan niệm về chủ nghĩa nhân đạo. *Tạp chí Học tập*. 1964;10: 24–35.
- [8] Tổ Hữu. Đứng vững trên lập trường giai cấp vô sản, nâng cao nhiệt tình cách mạng và tinh chiến đấu trong văn nghệ. *Tạp chí Học tập*. 1964;10: 1–23.
- [9] Vũ Đức Phúc. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 của Trung ương Đảng và công tác văn học. *Tạp chí Văn học*. 1964;4: 1–5
- [10] Hoàng Trinh. Về chủ nghĩa xét lại hiện đại trong văn nghệ Nam-tư. *Tạp chí Văn học*. 1964;1: 1–10.
- [11] Nguyễn Mạnh Tường. Chúng tôi phỏng vấn về vấn đề mở rộng tự do và dân chủ. *Báo Nhân văn*. 1956;1.
- [12] Trần Đức Thảo. Nỗ lực phát triển tự do dân chủ. *Báo Nhân văn*; 1956;3.
- [13] Kim Định. *Nhân bản*. Sài Gòn: Ra khơi xuất bản; 1965.
- [14] Nguyễn Văn Trung. *Nhận định* (6 tập). Sài Gòn: Nam Sơn xuất bản; 1958–1972.
- [15] André Niel. *Những tiếng kêu lớn của chủ nghĩa nhân bản hiện đại*. Mạnh Tường dịch. Sài Gòn: Ca Dao xuất bản; 1969.
- [16] Alfred North Whitehead. *Bước đường phiêu lưu của những dòng tư tưởng: lịch sử rạn vỡ về những tư tưởng vĩ đại của nhân loại*. Nam Chi và Từ Huệ dịch. Sài Gòn: Văn Đàn; 1969.
- [17] Martin Heidegger. *Thư về nhân bản chủ nghĩa*. Trần Xuân Kiêm dịch và giới thiệu. Sài Gòn: Tân An; 1974.
- [18] Itamar Even-Zohar. *Lý thuyết đa hệ thống trong nghiên cứu văn hóa, văn chương*. Trần Hải Yến và Nguyễn Đào Nguyên dịch. Hà Nội: Thế giới; 2014.
- [19] Mann N. The Origins of Humanism. In Jill Kraye (Editor). *The Cambridge Companion to Renaissance Humanism (Cambridge Companions to Literature)*. Cambridge: Cambridge University Press; 1996: 1–19.
- [20] Abrams M.H. *A Glossary of Literary Terms*. (Seventh edition). New York: Earl McPeck; 1999.
- [21] Diêm Liên Khoa. *Tầm cao của văn học chiến tranh phương Đông*. Thiên Thai dịch. 2016. Truy cập từ <http://tiasang.com.vn/-van-hoa/tam-cao-cua-van-hoc-chien-tranh-phuong-dong-9649/> [Ngày truy cập: 30/8/2020].
- [22] Tổ Bộ môn Lí luận Văn học các Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Vinh và Đại học Tổng hợp. *Cơ sở lí luận văn học, Tập 1: Phần nguyên lí chung*. Hà Nội: Giáo dục; 1978.
- [23] Nguyễn Lương Ngọc (chủ biên). *Cơ sở lí luận văn học, tập 1*. Hà Nội: Đại học và Trung học Chuyên nghiệp. 1980.
- [24] Trần Thanh Đạm. Ý nghĩa lịch sử và giá trị nhân văn của văn chương dân tộc 50 năm qua. *Văn học và cuộc sống*. Hà Nội: Lao động; 1995: 13–29.
- [25] Trần Đình Sử. *Trên đường biên của lí luận văn học*. Hà Nội: Văn học; 2014.
- [26] Phùng Quý Nhâm. Chủ nghĩa nhân văn hiện thực trong văn học, nghệ thuật. *Tạp chí Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật*. 2013;5: 13–17.
- [27] Nguyễn Lộc, Ngô Thế Phúc, Nguyễn Như Diệm dịch. *Chủ nghĩa nhân đạo của triết học và triết học của chủ nghĩa nhân đạo*. Hà Nội: Viện Thông tin Khoa học Xã hội; 1989.
- [28] C. Mác, Ph.Ăngghen, V.I. Lê Nin. *Về văn học nghệ thuật*. Hà Nội: Sự thật; 1977.
- [29] Trần Đình Sử. *Một nền lí luận văn học hiện đại (nhìn qua thực tiễn Trung Quốc)*. Hà Nội: Đại học Sư phạm. 2012.
- [30] Lưu Cường Kỹ, Phạm Minh Hoa. *Dịch học và Mỹ học*. Hoàng Văn Lâu dịch. Hà Nội: Văn hóa Thông tin; 2002.
- [31] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng*. 2017. Truy cập từ: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vi-nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quooc-lan-thu-vi-cua-dang-1493> [Truy cập ngày: 25/12/2021].
- [32] Nguyễn Minh Châu. Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa. *Báo Văn nghệ*. 1987;49&50: 2, 15.
- [33] Nguyễn Văn Hạnh. Nội dung và ý nghĩa khái niệm chủ nghĩa hiện thực trong văn học. *Tạp chí Văn học*. 1987;1: 57–72.
- [34] Phương Lưu chủ biên, Trần Đình Sử, Lê Ngọc Trà. *Lí luận văn học, tập 1: Nguyên lí tổng quát*. Hà Nội: Giáo dục. 1986.
- [35] Trần Đình Sử. Tính nhân loại và văn học. *Văn nghệ*. 1988; 1–2.
- [36] Nguyễn Đăng Hai. Khái niệm chủ nghĩa nhân văn và chủ nghĩa nhân đạo trong khoa nghiên cứu văn học ở Việt Nam từ 1945 đến nay. *Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*. 2015;1(66):143–155.
- [37] Huỳnh Như Phương. *Lí luận văn học (nhập môn)*. Hà Nội: Đại học Quốc gia TP. HCM. 2010.
- [38] Pêtrốp. *Chủ nghĩa hiện thực phê phán*. Nguyễn Đức Nam, Phạm Văn Trọng, Đặng Anh Đào dịch. Hà Nội: Đại học và Trung học Chuyên nghiệp; 1986.

- [39] Trần Đăng Suyền. *Chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX*. Hà Nội: Khoa học Xã hội. 2010.
- [40] Xtreltxôva N. *Nhà văn và thời đại*. Matxcôva: APN. 1989.
- [41] Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam. *Chủ nghĩa nhân đạo trong văn học hiện đại: Những thành tựu lý luận về chủ nghĩa xã hội (Sưu tập chuyên đề)*. Hà Nội: Viện Thông tin Khoa học Xã hội. 1989.
- [42] N. Konrad. *Phương Đông và phương Tây*. (Trịnh Bá Đĩnh dịch). Hà Nội: Giáo dục. 1997.

